TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30.01.2018
V/v ly hôn giữa chị M và anh K.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Hữu Lộc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tuyết Sương.
2. Ông Nguyễn Văn Hải.

- ***Thư ký phiên toà*:** Bà Huỳnh Thủy Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Long An: Bà Phan Thị Thơ – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2018/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị M, sinh năm: 1981; Nơi ĐKHKTT: ấp D, xã D, huyện C, tỉnh Long An; Tạm trú: ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Long An (có mặt).

2. *Bị đơn*: Anh Nguyễn Bá K, sinh năm: 1978; Nơi cư trú: ấp D, xã D, huyện C, tỉnh Long An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/12/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Trần Thị M trình bày: Chị và anh Nguyễn Bá K tổ chức lễ cưới năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 56, quyển số 01, ngày 23/5/2005, hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh K ăn chơi cờ bạc và có tính ghen tuông, đánh vợ, chị đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng không được. Vợ chồng ly thân từ tháng 9/2017 đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể hàn gắn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh K.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Trần Như N, sinh ngày 19/11/2002 và Nguyễn Trần Như Y, sinh ngày 06/10/2006, hiện đang

sống với chị M. Chị M yêu cầu được nuôi cả 02 con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- *Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 22/01/2018, anh Nguyễn Bá K trình bày:* Về hôn nhân: anh thừa nhận giữa anh và chị M có phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn nên anh đồng ý ly hôn với chị M.

Về nuôi con chung: Anh đồng ý để chị M tiếp tục nuôi 02 con, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa sơ thẩm phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ trình tự tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản pháp luật hướng dẫn có liên quan.

Về nội dung: Đối với yêu cầu của chị M là có căn cứ pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Chị Trần Thị M khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Bá K thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Xét anh K có yêu cầu đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt là phù hợp với quy định của pháp luật. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh K.

[2] Về hôn nhân: Chị Trần Thị M và anh Nguyễn Bá K tự nguyện cưới nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 56, quyển số 01, ngày 23/5/2005 là hôn nhân hợp pháp. Chị M trình bày nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh K ăn chơi cờ bạc và có tính ghen tuông, đánh vợ, chị đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng không được. Vợ chồng ly thân từ tháng 9/2017 đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể hàn gắn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh K. Anh K cũng đồng ý ly hôn với chị M nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Trần Như N, sinh ngày 19/11/2002 và Nguyễn Trần Như Y, sinh ngày 06/10/2006. Chị M và anh K thống nhất giao 02 con cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng, anh K không cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Trần Thị M phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 147, khoản 1 Điều 227 và Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 55, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận giữa chị Trần Thị M và anh Nguyễn Bá K.

Về hôn nhân: Chị Trần Thị M và anh Nguyễn Bá K thuận tình ly hôn.

Về nuôi con chung: Giao con Nguyễn Trần Như N, sinh ngày 19/11/2002 và Nguyễn Trần Như Y, sinh ngày 06/10/2006 cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng. Anh K không cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của chị M, anh K, người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em và Hội liên hiệp phụ nữ, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc tiền cấp dưỡng cho con.

Về án phí: Chị Trần Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai số 0000675 ngày 04 tháng 01 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, chị M đã nộp đủ.

Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Long An;
-VKSND huyện C;
-THA huyện C;
-UBND xã L,
huyện C, tỉnh Long An;
-Lưu hồ sơ, lưu án văn;
-Các đương sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Hữu Lộc